

Bản án số: 115/2025/DS-ST
Ngày: 01/08/2025
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Phan Minh Thanh

2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nghị – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1514/2024/DSST ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2025/QĐXX- DS ngày 19 tháng 06 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Trụ sở chính: Số xx LH, phường L (cũ là phường LH, quận Đ), Thành phố HN.

Địa chỉ liên lạc: Tầng x, Số xx CT, phường BC (cũ là Phường x, Quận x), Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền: Bà Trần Thị Ái H, sinh năm 1985; ông Hoàng Từ Trung Đ, sinh năm 1998, Bà Tô Thị Thu T, sinh năm 2000 và bà Võ Thị T, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng x, Tòa nhà Axx, số xx CT, phường BC (cũ là Phường x, Quận x), Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lâm Quang T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số xx đường PHI, phường A (cũ là Phường xx, Quận G), Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2024; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2023, ông Lâm Quang T (gọi tắt là bị đơn) có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Nguyên đơn, Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập, tình hình tài chính và đề nghị của ông Lâm Quang T, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã đồng ý cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử theo Hợp đồng số xxx-P-xxxxxxx ký ngày 04/01/2023 (gọi tắt là Hợp đồng thẻ tín dụng số xxx-P-xxxxxxx) với hạn mức sử dụng là 447.000.000 đồng, lãi suất 2,79%/tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, ông Lâm Quang T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng thương mại cổ phần V nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất nợ lãi quá hạn kể từ ngày 15/07/2023. Tạm tính đến ngày 31/03/2025 ông Lâm Quang T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tổng cộng là 833.663.203 đồng (*Tám trăm ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm linh ba đồng*). Trong đó, nợ gốc là 446.758.821 đồng, nợ lãi là 386.904.382 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông Lâm Quang T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng nêu trên; tạm tính đến ngày 31/03/2025 là 833.663.203 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm lẻ ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 446.758.821 đồng; nợ lãi 386.904.382 đồng.

2/ Ông Lâm Quang T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các Hợp đồng từ ngày 01/04/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Ngày 31/07/2025, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V có bản tự khai yêu cầu:

1/ Buộc ông Lâm Quang T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng nêu trên; tạm tính đến ngày 31/07/2025 là 950.836.420 đồng (*Chín trăm năm mươi triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 446.758.821 đồng; nợ lãi 504.077.599 đồng.

2/ Ngoài ra, ông Lâm Quang T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các Hợp đồng từ ngày 01/08/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập ông Lâm Quang T đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông T không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Lâm Quang T theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1844/2024/QĐ-CCTLCC ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh và trả lời xác minh của Công an Phường xx, quận G, Thành phố H (nay là Công an phường A, Thành phố H), được biết: “Nhân khẩu Lâm Quang T, sinh năm 1979 có thực tế ở tại địa chỉ xx đường

PHI, phường A (cũ là Phường xx, quận G), Thành phố H. Ông T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên”.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không đến, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V do ông Hoàng Từ Trung Đ là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt xét xử tuy nhiên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu:

1/ Buộc ông Lâm Quang T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng nêu trên; tạm tính đến ngày 31/07/2025 là 950.836.420 đồng (*Chín trăm năm mươi triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 446.758.821 đồng; nợ lãi 504.077.599 đồng.

2/ Ngoài ra, ông Lâm Quang T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các Hợp đồng từ ngày 01/08/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ông Lâm Quang T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Dương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện bị đơn ông Lâm Quang T về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/01/2023 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số xx đường PHI, phường A (cũ là Phường xx, Quận G), Thành phố H, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 (cũ là Tòa án nhân dân quận Gò Vấp) , Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thủ tục tố tụng :

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lâm Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nợ gốc:

Căn cứ vào Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/01/2023(gọi tắt là hợp đồng). Ngân hàng căn cứ vào thu nhập và tình hình tài chính cùng đề nghị của ông Lâm Quang T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng MC World Credit Prin, số thẻ: xxxxxx-xxxx với hạn mức sử dụng ban đầu là 447.000.000 đồng, lãi suất 2.79%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thực hiện các giao dịch và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 113.353.358 đồng. Trong đó số tiền thanh toán cho gốc là 59.382.659 đồng và số tiền thanh toán cho lãi là 53.970.699 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Biên bản giao nhận thẻ ngày 13/1/2023; bản tự khai ngày 31/3/2025 và ngày 31/7/2025 của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng; bảng kê tính lãi tính đến ngày 31/7/2025, ông T còn lại nợ gốc tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 446.758.821 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở ông T vẫn không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Luật dân

sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T phải trả số tiền nợ gốc là 446.758.821 đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn tám trăm hai mươi một đồng*) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi:

Căn cứ vào Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/01/2023; Biên bản giao nhận thẻ ngày 13/1/2023 và các văn bản khác ông Lâm Quang T đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã cấp cho ông T 01 thẻ tín dụng MC World Credit Prin, số thẻ: xxxxxx-xxxx với hạn mức sử dụng ban đầu là 447.000.000 đồng, lãi suất 2.79%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/01/2023; Biên bản giao nhận thẻ ngày 13/1/2023, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 504.077.599 đồng. Ông Lâm Quang T phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/8/2025 trên số nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với mức lãi suất trong hạn là 2.79%/ tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Tính đến ngày 31/7/2025, ông T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền lãi quá hạn là 504.077.599 đồng, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông T và Ngân hàng đã tự nguyện thỏa thuận về lãi suất với hình thức vay tín chấp phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông T phải trả tổng số tiền lãi quá hạn là 504.077.599 đồng (*Năm trăm linh bốn triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi chín đồng*), tạm tính đến ngày 31/7/2025.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Lâm Quang T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền lãi và gốc là tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 950.836.420 đồng (*Chín trăm năm mươi triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn*

trăm hai mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 446.758.821 đồng và lãi quá hạn: 504.077.599 đồng.

Ông T tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 01/8/2025 cho đến khi ông T hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi ông T trả dứt nợ.

- Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 16.490.214 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn hai trăm mười bốn đồng*) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0057014 ngày 25/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) .

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 950.836.420 đồng. Do đó ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.525.093 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn không trăm chín mươi ba đồng*) .

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Điều 280; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Lâm Quang T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng nêu trên; tạm

tính đến ngày 31/07/2025 là 950.836.420 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm năm mươi triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 446.758.821 đồng; nợ lãi 504.077.599 đồng.

- Ngoài ra, ông Lâm Quang T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các Hợp đồng từ ngày 01/08/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lâm Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.525.093 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn không trăm chín mươi ba đồng*)

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 16.490.214 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn hai trăm mười bốn đồng*) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0057014 ngày 25/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 7, TPHCM
- Phòng THA Khu vực 7, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Công Sơn